

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2024

"V/v: Tranh chấp chia di sản
thừa kế"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và ông Phạm Xuân Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp chia di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1944; Nơi cư trú: thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn:* Ông **Vũ Xuân Đ**, sinh năm 1954; Nơi cư trú: thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Vũ Xuân T**, sinh năm 1947; Nơi cư trú: thôn Lâm Đ, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

2. Bà **Hà Thị X**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa có mặt ông T, ông Đ, ông T. Vắng mặt bà Xanh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Văn T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:

Bố mẹ ông là cụ Vũ Chính Giảng và cụ Đặng Thị Cách sinh được 04 người con, trong đó có 01 người chết từ khi còn nhỏ (Vũ Thị Khách), còn lại 03 người con là Vũ Văn T; Vũ Xuân T, sinh năm 1947 và Vũ Xuân Đ, sinh năm 1954. Ngoài ra bố mẹ ông không có con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

Khi còn sống bố mẹ ông được ông nội ông là cụ Vũ Văn Quyển cho 01 thửa đất ở thôn Nho Lâm, xã Văn Tổ, sau này hồ sơ 299 thể hiện tại thửa số 107 tờ bản đồ số 23, diện tích 954m² và đã được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Đặng Thị Cách vào ngày 10/7/2000 đối với 03 thửa đất gồm: Thửa số 109, tờ bản đồ số 25 diện tích 1,159m² (gồm 300m² đất ở, 288 m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng 50 năm; 571m² đất trồng cây lâu năm thời hạn sử dụng lâu dài; Thửa số 130 tờ bản đồ số 25, diện tích 307m² đất nuôi trồng thủy sản, thời hạn sử dụng lâu dài và thửa 45a diện tích 110m² đất trồng cây lâu năm thời hạn sử dụng lâu dài. Trên đất trước đây có 01 ngôi nhà do bố mẹ ông xây dựng nhưng đã đổ. Năm 1971, ông đã làm lại ngôi nhà tre lợp dạ. Sau này, khi ông Đ ở đã phá đi xây ngôi nhà mái bằng 3 gian như hiện nay, ngoài ra ông Đ còn xây dựng cổng, tường bao, sân gạch và trồng cây cối trên đất.

Cụ Giảng chết năm 1953, cụ Cách chết năm 2014, khi chết các cụ không để lại di chúc. Bố mẹ đẻ của cụ Cách là cụ Đặng Văn Tin và cụ Vũ Thị Đức đều đã chết từ lâu và chết trước cụ Cách. ngoài ra cụ Cách không có bố mẹ nuôi nào khác.

Theo Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho cụ Cách thì cụ Cách có 03 thửa đất nêu trên. Tuy nhiên ông T chỉ đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 diện tích 1159 m², địa chỉ: Thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương, cụ Cách và cụ Giảng di sản mỗi người để lại là 1/2 diện tích của thửa đất nêu trên. Đến nay thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Giảng đã hết nên ông không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Giảng mà chỉ đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Cách để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 và đề nghị được hưởng bằng hiện vật là phần diện tích đất có 02 trụ cổng và sân bê tông, đối với các tài sản trên đất là của vợ chồng ông Đ nên trên phần diện tích đất ông được hưởng có tài sản nào của vợ chồng ông Đ thì ông nhất trí trả vợ chồng ông Đ bằng tiền.

Theo đo đạc hiện trạng của Tòa án thì thửa đất trên có diện tích 1.213 m² tăng 54 m² là do quá trình sử dụng đã san lấp vào một phần diện tích đất ao, ông T đề nghị chỉ chia theo đúng diện tích trong GCN QSD đất đã cấp là 1.159 m².

Đối với các tài sản phát sinh theo đơn đề nghị của ông Đ, ông T gửi Tòa án gồm: dàn gập làm bằng tip sắt và di chuyển các đoạn ống nhựa dưới đất làm đường thoát nước từ đường vào xuống bờ ao gồm có 03 hố ga sâu 0,6m, rộng 1 phân, dài 50 cm đến 1 mét thì nếu trong trường hợp ông được giao đất thì ông sẽ

hỗ trợ ông Đ trong việc di chuyển các tài sản trên và tự nguyện chịu chi phí khi thực hiện các công việc này.

- *Bị đơn ông Vũ Xuân Đ trình bày:* Ông nhất trí với lời trình bày của ông T về họ tên bố mẹ và các anh em trong gia đình cũng như di sản thừa kế mà các cụ để lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị chia di sản cụ Cách để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 diện tích 1.159 m², địa chỉ: Thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương thì ông nhất trí chia và đề nghị chia theo quy định của pháp luật, ông đề nghị được nhận bằng hiện vật. Ông nhất trí chia kỹ phần cho ông T vào phần diện tích đất có trụ cổng và sân bê tông. Đối với các tài sản trên đất là của vợ chồng ông nên trên phần đất ông T được hưởng có tài sản của vợ chồng ông thì ông T phải thanh toán trả vợ chồng ông bằng tiền.

Ông Đ nhất trí với ý kiến của ông T về việc ông T hỗ trợ ông di chuyển dàn gập làm bằng tip sắt và các đoạn ống nhựa dưới đất làm đường thoát nước từ đường vào xuống bờ ao trên phần diện tích đất ông T được giao sang phần đất của ông.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Xuân T trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của ông T về họ tên bố mẹ các anh em trong gia đình cũng như di sản bố mẹ ông để lại. Đối với di sản bố mẹ ông để lại ông đề nghị được hưởng bằng hiện vật, đối với các tài sản của vợ chồng ông Đ trên phần diện tích đất ông được hưởng nếu vợ chồng ông Đ yêu cầu thì ông đồng ý trả giá trị bằng tiền, nếu vợ chồng ông Đ tặng cho ông thì ông cũng đồng ý nhận.

2. Bà Hà Thị X Trình bày: Bà là vợ ông Đ và là em dâu ông T, ông T. Ông bà kết hôn năm 1983, khi đó bố chồng bà là cụ Vũ chính Giảng đã chết năm 1953, vợ chồng sống cùng mẹ chồng là cụ Đặng Thị cách. Năm 2014 cụ Cách chết. Quá trình chung sống, năm 2000 vợ chồng bà xây nhà mái bằng 1 tầng. Năm 2020 thì T tục xây thêm 1 gian nhà 01 tầng giáp với nhà xây năm 2000. Đến nay, bà xác định toàn bộ các tài sản công trình và tài sản khác trên thửa đất hiện nay đang có tranh chấp là do vợ chồng bà làm nên. Quá trình giải quyết vụ án nếu chia quyền lợi cho ông T và ông T được hưởng bằng đất thì bà yêu cầu ông T và ông T phải trả giá trị bằng tiền đối với các tài sản của vợ chồng bà trên đất mà các ông được chia. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà, mọi ý kiến trình bày của ông Đ tại phiên tòa cũng là ý kiến của bà.

- Biên bản xác minh tại UBND xã Văn Tổ thể hiện: Theo hồ sơ 299 thể hiện tại tờ số 23 thửa số 107 diện tích 954m² loại đất T (sổ mục kê ghi Vũ Trung T); Theo hồ sơ địa chính năm 1992 tại tờ số 01 thửa số 263 diện tích 1051m² loại đất T, sổ mục kê ghi Đ, thửa số 269 diện tích 261m² loại đất A, sổ

mục kê ghi T; Đến năm 2000 được thể hiện tại tờ số 25 thửa số 109 diện tích 1159m² loại đất T, sổ mục kê ghi Vũ Văn Đ, thửa số 130 diện tích 307m² loại đất A, sổ mục kê ghi Vũ Văn Đ. Ngày 10/7/2000 được UBND huyện Tứ Kỳ cấp GCNQSDĐ các thửa đất trên cho cụ Đặng Thị Cách trong đó 300m² đất ở thời hạn sử dụng lâu dài, 288m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng 50 năm; 571m² đất trồng cây lâu năm thời hạn sử dụng lâu dài; 307m² đất nuôi trồng thủy sản và 01 thửa 45a tờ bản đồ số 25 diện tích 110m² loại đất trồng cây lâu năm thời hạn sử dụng lâu dài, tổng 1.576m². Theo đo đạc năm 2014 tại tờ số 44 thửa số 22 diện tích 1452,4m² đất ONT, sổ mục kê ghi Vũ Văn Đ, Hà Thị X trong đó số 248,5m² đất ao.

Theo đo đạc hiện trạng, diện tích 1457,8m² trong đó có 244,8m² đất ao (không tính thửa 45a) tăng 8,2m² so với thời điểm cấp GCNQSDĐ là do sai số trong quá trình đo đạc. Phần diện tích đất ao giảm so với thời điểm cấp giấy chứng nhận là do trong quá trình sử dụng người sử dụng tự ý san lấp ao thành vườn.

UBND xã Văn Tổ đề nghị không đưa UBND xã tham gia tố tụng trong vụ án mà căn cứ vào các tài liệu, qua điểm mà UBND xã đã cung cấp, trình bày đề giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Ông T đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Cách để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 và đề nghị được hưởng bằng hiện vật là phần diện tích đất có 02 trụ cổng và sân bê tông, đối với các tài sản của vợ chồng ông Đ trên phần diện tích đất ông được hưởng thì ông nhất trí trả vợ chồng ông Đ bằng tiền. Đối với 02 trụ cổng và phần diện tích sân bê tông mặc dù đã được định giá khoảng 06 triệu đồng nhưng ông tự nguyện bồi thường thêm nên giá trị các tài sản này và phần bồi thường thêm tổng cộng là 12 triệu đồng; đối với phần dàn gấp bằng thép và hệ thống đường ống thoát nước trên phần diện tích đất ông được hưởng ông sẽ hỗ trợ ông Đ 02 triệu đồng là chi phí để di chuyển các tài sản này sang phần diện tích đất của ông Đ. Đối với các cây cối trên đất thì ông sẽ thanh toán trả ông Đ giá trị bằng tiền theo kết quả định giá.

- Ông Đ: Nhất trí với yêu cầu của ông T và đồng ý chia cho ông T phần diện tích đất về phía có trụ cổng và sân bê tông đi ra trụ cổng. Nhất trí trong việc ông T hỗ trợ ông 02 triệu đồng để di chuyển dàn gấp bằng thép và đường ống dưới đất, do ông và ông T đã nhất trí được việc di chuyển các tài sản nên ông đề nghị Tòa án không phải giải quyết đối với các tài sản mà ông đề cập trong đơn đề nghị viết ngày 27/4/2024 gửi Tòa án. Đối với các tài sản khác trên phần đất của ông T được hưởng thì phải thanh toán trả giá trị bằng tiền cho ông; Đối với 02 cánh cổng gắn với 02 trụ cổng thì ông sẽ tháo dỡ 02 cánh cổng ra khỏi trụ

công để ông sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với 01 đoạn tường bao đã hết giá trị trên phần đất của ông T được giao giáp với đất ông Thường nếu ông T không sử dụng thì ông sẽ tháo dỡ để sử dụng, đối với các cây cối của vợ chồng ông nằm trên các đường ranh giới đất khi Tòa án giao đất cho ông, cho ông T, ông T thì ông đồng ý chặt bỏ hoặc chủ động di dời về diện tích đất của ông. Đối với các phần tài sản nằm trên phần diện tích đất ông T được hưởng thì vợ chồng ông đồng ý tặng cho ông T và không yêu cầu ông T phải thanh toán gì cho vợ chồng ông hoặc vợ chồng ông sẽ tự tháo dỡ, di chuyển các tài sản này về phần diện tích đất của mình và đề nghị Tòa án không phải xem xét đối với các tài sản này.

- Ông T: Đề nghị giao cho ông được hưởng bằng hiện vật đối với di sản của cụ Cách để lại, sau này nếu không có nhu cầu sử dụng lúc ấy ông cho ai là quyền của ông. Đối với các tài sản trên đất là của vợ chồng ông Đ nên nếu vợ chồng ông Đ tặng cho ông thì ông đồng ý nhận.

- Ông Đ, ông T trình bày: các công đều là người cao tuổi và là thương binh nên đề nghị miễn án phí cho các ông.

- Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 157, 165, 228 BLTTDS, Điều 33, 38 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Cách; Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cách gồm: ông Vũ Văn T, ông Vũ Xuân T, ông Vũ Xuân Đ; Xác định di sản thừa kế của Đặng Thị Cách: 1/2 giá trị thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 diện tích 1159 m², địa chỉ: Thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương là 579,5 m² gồm 150m² đất ở và 429,5 m² đất trồng cây lâu năm, trị giá 1m² đất là 3.200.000đ/1m², đất trồng cây lâu năm 80.000đ/1m². Di sản của cụ Cách được chia cho ông Vũ Văn T, Vũ Xuân T, Vũ Xuân Đ, mỗi kỹ phần là 50 m² đất ở và 143,2 m² đất trồng cây lâu năm. Ông T có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị tài sản là công trình, cây cối cho vợ chồng ông Đ trên phần đất ông T được hưởng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc không yêu cầu ông T phải thanh toán trả giá trị tài sản của vợ chồng ông Đ trên phần diện tích đất ông T được hưởng. Chấp nhận việc bồi thường thêm của ông T cũng như việc ông T hỗ trợ ông Đ chi phí di chuyển tài sản là dàn gập bằng tốp sát và hệ thống đường ông từ phần diện tích đất ông T được hưởng sang

phần diện tích đất của ông Đ. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Vũ Văn T có đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Cách để lại là 1/2 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 diện tích 1159 m², địa chỉ: Thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Cụ Đặng Thị Cách chết năm 2014, trước khi chết sinh sống trên nhà đất tại thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó, xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp chia di sản thừa kế" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS và Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý vụ án giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có quan điểm đề nghị được vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Xanh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS

[1.3] Về áp dụng pháp luật:

Thời điểm cụ Đặng Thị Cách chết là thời điểm Bộ luật dân sự 2015 chưa có hiệu lực. Tuy nhiên quy định của pháp luật về thừa kế giữa Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015 là như nhau nên trong vụ án này Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[1.4] Về yêu cầu thay đổi Thẩm phán của ông T: Tại phiên tòa, ông T có yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa với lý do Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa là người đã tiến hành việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, tiến hành hòa giải nên T T xét xử là không khách quan, vụ án phải do Chánh án TAND huyện Tứ Kỳ xét xử mới khách quan. Xét thấy việc xem xét yêu cầu thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa tại phiên tòa là thẩm quyền của Hội đồng xét xử, sau khi thảo luận HĐXX thấy rằng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định của BLTTDS, mặt khác lý do để yêu cầu thay đổi của ông T là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận. Ông T không có ý kiến gì về việc HĐXX không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Cụ Vũ Chính Giảng và cụ Đặng Thị Cách có 04 người con, trong đó có 01 người con chết khi còn nhỏ, còn lại 03 người con là ông Vũ Văn T, Vũ Xuân T và ông Vũ Xuân Đ. Cụ

Giảng chết năm 1953, tuy nhiên các đương không yêu cầu giải quyết đối với di sản cụ Giảng để lại vì đã hết thời hiệu nên không đặt ra xem xét. Cụ Cách chết năm 2014, bố mẹ đẻ cụ Cách chết trước cụ Cách nên xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Cách là năm 2014 và những người được hưởng di sản do cụ Cách chết để lại là ông T, ông T, ông Đ.

[2.2] Về di sản thừa kế: Cụ Vũ Chính Giảng và cụ Đặng Thị Cách có tài sản chung là thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 diện tích 1159 m² gồm 300 m² đất ở, 859m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Tứ Kỳ cấp GCN QSD ngày 10/07/2000 mang tên cụ Đặng Thị Cách nên xác định di sản cụ Cách để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 là 579,5 m² gồm 150 m² đất ở và 429,5 m² đất trồng cây lâu năm thể hiện bởi các điểm A1A2A3A4 A5B3B2B4B5B6B7A31B1(có sơ đồ kèm theo), trị giá 1m² đất là 3.200.000đ/1m², đất trồng cây lâu năm 80.000đ/1m².

[2.3] Về cách chia di sản thừa kế và hiện trạng giao đất:

Di sản cụ Cách để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 là 579,5 m² gồm 150 m² đất ở và 429,5 m² đất trồng cây lâu năm, được chia cho 03 kỹ phần gồm ông T, ông Đ, ông T mỗi người được hưởng 50 m² đất ở và 143,2 m² (làm tròn số) đất trồng cây lâu năm, mỗi kỹ phần trị giá 171.456.000đ. Ông T, ông Đ và ông T đều có nhu cầu sử dụng đất và phần di sản cụ Cách để lại có thể chia được nên cần chấp nhận yêu cầu của các ông để chia cho các ông được hưởng phần diện tích đất tương ứng với kỹ phần mà các ông được hưởng thừa kế.

[2.4] Xem xét các tài sản trên phần diện tích đất các đương sự được hưởng thì thấy: Toàn bộ các tài sản trên thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 diện tích 1159 m², địa chỉ: Thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương xác định là của vợ chồng ông Vũ Xuân Đ và bà Hà Thị X.

[2.4.1] Trên phần đất giao cho ông T có các tài sản của vợ chồng ông Đ gồm: 02 trụ cổng, 02 cánh cổng, một phần diện tích sân bê tông 59,8 m²; đoạn tường giáp đường xóm dài 0,26m; 03 cây thanh long, 02 cây bưởi. Ngoài ra còn có một số tài sản khác trên phần đất giao cho ông T là:

- 01 dàn gấp làm bằng tip phi 27, dài 4m, tổng số ống thép là 51 ống, 36 cột, mỗi cột đổ 02 xô bê tông đá, còn lại 23 ống nằm trên giàn buộc dây thép, số lượng 5 kg dây buộc/giàn, 01 giàn tip làm bê 40 ngăn bờ ao không cho trẻ ra bờ ao, cao 1m, dài 22m

- Ống nhựa phi 60 dài 4m gồm 6 ống chôn sâu 0,6m dưới đất làm đường thoát nước cho vườn từ đường vào xuống bờ ao gồm có 03 hố ga sâu 0,6m, rộng 2 phân dài 50 đến 1 m.

- Dây khoai lang 140m

Đối với các tài sản là dàn gấp bằng tít sắt và các đoạn ống nhựa, tại phiên tòa ông T và ông Đ thống nhất với nhau về việc ông T sẽ hỗ trợ ông Đ 02 triệu đồng để di chuyển các tài sản này từ phần diện tích đất ông T được hưởng sang phần diện tích đất của ông Đ. Do ông T và ông Đ đã thống nhất được với nhau nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản gồm dàn gấp bằng tít sắt, các đoạn ống nhựa và 140m dây khoai.

Đối với các tài sản gồm 02 trụ cổng và phần diện tích sân bê tông mặc dù có kết quả định giá nhưng ông T tự nguyện bồi thường thêm và trả ông Đ giá trị các tài sản này là 12 triệu đồng nên cần được chấp nhận; 01 đoạn tường dài 0,26m trị giá 65.900đ (làm tròn số); 03 cây thanh long trị giá 01 cây là 100.000đ, tổng giá trị 300.000đ; 02 cây bưởi trị giá 750.000đ/cây, tổng giá trị là 1.500.000đ. Đối với các tài sản khác trên phần diện tích đất ông T được hưởng như đoạn tường giáp nhà ông Thuồng, nếu ông T không sử dụng thì ông Đ sẽ tự tháo dỡ để sử dụng; đối với các cây cối khác không có giá trị và ông Đ không yêu cầu định giá nếu ông T không sử dụng thì ông Đ sẽ di chuyển về phần đất của ông Đ. Đối với 02 cánh cổng gắn với trụ cổng thì ông Đ sẽ tháo dỡ 02 cánh cổng để sử dụng nên không đặt ra xem xét.

[2.4.2] Đối với các tài sản của vợ chồng ông Đ trên diện tích đất giao cho ông T gồm: 03 cây na, 01 cây mít, 02 cây bưởi, 01 cây nhãn, 03 cây thanh long, 01 cây vải, một phần diện tích sân bê tông và một phần diện tích mái tôn. Ông Đ tự nguyện tặng cho ông T các tài sản này, ông và ông T sẽ tự giải quyết với nhau và đề nghị Tòa án không phải xem xét đối với các tài sản này. Do đó, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của ông Đ và không xem xét giải quyết đối với các tài sản này trong vụ án.

Ông T, ông Đ và ông T thống nhất: đối với các cây cối do vợ chồng ông Đ làm nằm trên đường ranh giới của 03 phần diện tích đất thì ông Đ đồng ý sẽ tự di chuyển về phần diện tích đất của ông hoặc chặt bỏ.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo kỷ phần được hưởng. Tuy nhiên ông T, ông Đ, ông T đều là người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, ông T, ông Đ.

Đối với chi phí thẩm định giá tài sản là 7.500.000đ, ông T, ông Đ, ông T mỗi người phải chịu 2.500.000đ. Ông T đã thanh toán 7.500.000đ nên ông Đ và ông T mỗi ông có trách nhiệm thanh toán trả cho ông T là 2.500.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS 2015; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự BLDS 2015; Các Điều 33, 38 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Cách để lại theo quy định pháp luật.

2. Về di sản thừa kế và kỹ phần thừa kế:

- Xác định di sản cụ Cách để lại là 1/2 diện tích đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.159 m² địa chỉ thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Đặng Thị Cách vào ngày 10/7/2000 là 579,5 m² gồm 150 m² đất ở và 429,5 m² đất trồng cây lâu năm được giới hạn bởi các điểm A1A2A3A4A5B3B2B4B5B6B7A31B1 (có sơ đồ kèm theo), trị giá 1m² đất là 3.200.000đ/1m², đất trồng cây lâu năm 80.000đ/1m². Tổng giá trị di sản cụ Cách để lại là 514.360.000đ (*Năm trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*). Được chia cho 03 kỹ phần gồm: Ông Vũ Văn T, ông Vũ Xuân T và ông Vũ Xuân Đ, mỗi kỹ phần được hưởng 50 m² đất ở và 143,2 m² (làm tròn số) đất trồng cây lâu năm, trị giá 171.456.000đ (Làm tròn số).

3. Về hiện trạng giao đất, các tài sản trên đất và trách nhiệm thanh toán:

[3.1] Về hiện trạng giao đất và các tài sản trên đất

- Giao cho ông Vũ Văn T được sở hữu, sử dụng 193,2 m² (gồm 50 m² đất ở và 143,2 m² (làm tròn số) đất trồng cây lâu năm) là một phần diện tích thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 địa chỉ thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương có phía Bắc giáp đường xóm dài 4,5m; phía Đông giáp nhà ông Thường dài (9,68m + 3,37m + 4,45m + 7,8 m + 14,67m); phía Nam giáp phần diện tích đất là di sản của cụ Vũ Chính Giảng dài 7,83m; phía Tây giáp phần diện tích đất giao cho ông Vũ Xuân T dài 33,81m được giới hạn bởi các điểm A1A2A3A4A5B3B2B1A1 (có sơ đồ kèm theo)

Trên đất có các tài sản gồm: 02 trụ cổng, phần diện tích sân bê tông 59,8 m², 03 cây thanh long, 02 cây bưởi, 01 đoạn tường dài 0,26m.

- Giao cho ông Vũ Xuân T được sở hữu, sử dụng 193,2 m² (gồm 50 m² đất ở và 143,2 m² (làm tròn số) đất trồng cây lâu năm) là một phần diện tích thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 địa chỉ thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương có phía Bắc giáp đường xóm dài (4,12m + 1,69m); phía Đông giáp phần diện tích giao cho ông T dài 33,81m; phía Nam giáp phần diện

tích đất là di sản của cụ Vũ Chính Giảng dài 5,57m; phía Tây giáp phần diện tích đất giao cho ông Vũ Xuân Đ dài 35,35m được giới hạn bởi các điểm B1B2B4B7A31B1 (có sơ đồ kèm theo)

- Giao cho ông Vũ Xuân Đ được sở hữu, sử dụng 193,2 m² (gồm 50 m² đất ở và 143,2 m² (làm tròn số) đất trồng cây lâu năm) là một phần diện tích thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 25 địa chỉ thôn Nho L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương có phía Bắc giáp đường xóm dài 5,5m; phía Đông giáp phần diện tích giao cho ông T dài 35,35 m; phía Nam giáp phần diện tích đất là di sản của cụ Vũ Chính Giảng dài 5,38m; phía Tây giáp phần diện tích đất là di sản của cụ Vũ Chính Giảng dài 36,54m được giới hạn bởi các điểm B7B4B5B6B7 (có sơ đồ kèm theo)

[3.2] Về trách nhiệm thanh toán.

- Trên phần đất ông Vũ Văn T được hưởng có các tài sản của vợ chồng ông Vũ Xuân Đ và bà Hà Thị X gồm: 02 trụ cổng và phần diện tích sân bê tông 59,8 m² trị giá 12 triệu đồng; 01 đoạn tường giáp đường xóm dài 0,26m trị giá 65.900đ (làm tròn số); 03 cây thanh long trị giá 300.000đ; 02 cây bưởi trị giá trị là 1.500.000đ. Tổng giá trị là 13.865.900đ (*Mười ba triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn chín trăm đồng*).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn T hỗ trợ ông Vũ Xuân Đ 2.000.000đ là chi phí hỗ trợ ông Đ di chuyển các tài sản của vợ chồng ông Đ trên phần đất ông T được hưởng về diện tích đất của ông Đ.

Tổng số tiền ông Vũ Văn T phải thanh toán trả cho vợ chồng ông Vũ Xuân Đ và bà Hà Thị X là 15.865.900đ (*Mười năm triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn chín trăm đồng*).

- Trên phần đất ông Vũ Xuân T được hưởng có các tài sản của vợ chồng ông Vũ Xuân Đ gồm: 03 cây na, 01 cây mít, 02 cây bưởi, 01 cây nhãn, 03 cây thanh long, 01 cây vải, một phần diện tích sân bê tông và một phần diện tích mái tôn. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Vũ Xuân Đ về việc các tài sản này vợ chồng ông tặng cho ông T và tự thỏa thuận với ông T về cách giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Vũ Xuân Đ về việc trên đường ranh giới của các thửa đất giao cho ông T và ông T nếu có cây cối nằm trên đường ranh giới thì ông Đ sẽ di chuyển về phần diện tích đất của ông Đ hoặc chặt bỏ.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Vũ Văn T, ông Vũ Xuân Đ và ông Vũ Xuân T

- Về thanh toán chi phí tố tụng: Ông Vũ Xuân Đ và ông Vũ Xuân T mỗi người phải trả cho ông Vũ Văn T chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.500.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành